



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 12 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ KỲ HỌP THỨ 9, HĐND TỈNH QUẢNG TRỊ KHÓA VII **TÀI LIỆU THAM KHẢO TIẾP XÚC CỬ TRI SAU KỲ HỌP**

Kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh Quảng Trị, khóa VII đã diễn ra 3,5 ngày (từ ngày 05 đến ngày 08 tháng 12 năm 2018). Tại kỳ họp HĐND tỉnh đã nghe Trưởng đoàn ĐBQH báo cáo tóm tắt kết quả kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV và các hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; nghe Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh thông báo về công tác tham gia xây dựng chính quyền; nghe UBND tỉnh báo cáo khái quát tình hình KT - XH, QP - AN năm 2018 và kế hoạch năm 2019; Tờ trình chung của UBND tỉnh về việc thông qua các báo cáo, tờ trình, đề án; các báo cáo, tờ trình của Thường trực HĐND tỉnh, báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh; các báo cáo của TAND tỉnh, VKSNS tỉnh và Cục THADS tỉnh.

Kỳ họp đã xem xét 39 báo cáo, tờ trình, đề án thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh và thông qua 24 nghị quyết¹; trong đó tập trung đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ KT - XH, QP - AN năm 2018 và đề ra chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nhiệm vụ KT - XH, QP - AN năm 2019; thu chi ngân sách và đầu tư của tỉnh trong năm 2018, đề ra chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2019; lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do HĐND bầu; tiến hành thủ tục miễn nhiệm và bầu Phó Chủ tịch UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

I. Khái quát tình hình nhiệm vụ phát triển KT - XH, QP - AN năm 2018

Năm 2018 là năm bản lề đánh dấu nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH 2015 - 2020 của tỉnh. Trong bối cảnh, tình hình kinh tế và an ninh thế giới diễn biến phức tạp nhưng với sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương, sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, của cộng đồng doanh nghiệp và toàn quân, toàn dân, tình hình KT - XH của tỉnh có những chuyển biến tích cực, toàn diện. Đây là năm thứ hai liên tiếp tỉnh đã hoàn thành đạt và vượt mức 24/24 chỉ tiêu, kế hoạch đề ra, trong đó có 9 chỉ tiêu vượt kế hoạch, tạo tiền đề quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2019 và góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 2015 - 2020 của tỉnh.

Đặc biệt, nền kinh tế bất kịp đà tăng trưởng của cả nước, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh; nhiều sản phẩm nông nghiệp đã xây dựng được nhãn hiệu hàng hóa và từng bước xâm nhập thị trường trong nước và xuất khẩu. Đây cũng là năm tỉnh nỗ lực thực hiện chủ đề Năm Doanh nghiệp, đã ban hành và từng bước đưa chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vào cuộc sống; công tác thu hút đầu tư có chuyển biến tích cực; văn hóa, xã hội tiếp tục đạt được nhiều kết quả tốt, QP- AN được giữ vững, trật tự an toàn xã hội đảm bảo...

¹ Gồm có 05 nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019, 11 nghị quyết chuyên đề trên các lĩnh vực và 08 nghị quyết có nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

Báo cáo của UBND tỉnh đã nêu rõ nhiều chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra đã được triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt và đạt được những kết quả tích cực so với cùng kỳ năm 2017. Nổi bật là tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) ước đạt trên 19 nghìn tỷ đồng, tăng 7,14%; tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước thực hiện 14 nghìn tỷ đồng, đạt KH đề ra và tăng 21,89% so với năm trước; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt trên 27 nghìn tỷ đồng, vượt KH đề ra; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 2.597 tỷ đồng, đạt 100% dự toán địa phương và bằng 106% so với cùng kỳ; tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 9.327 tỉ đồng, đạt 123% dự toán và bằng 118% so với cùng kỳ; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt mức đạt mức cao nhất từ trước đến nay là 28,9 vạn tấn, vượt 11,17% KH năm và tăng 12,29% so với cùng kỳ; tổng sản lượng thủy sản ước đạt 32.587 tấn, tăng 3,35%; chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 9,2% so với cùng kỳ; giá trị sản xuất xây dựng ước đạt gần 11 nghìn tỷ đồng, vượt KH của năm,...

Phát triển toàn diện các ngành, lĩnh vực; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, phát triển doanh nghiệp; nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn; công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm. Công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, tỉ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 1,75%; quan tâm thực hiện chế độ chính sách cho đối tượng chính sách; công tác xây dựng chính quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp có nhiều chuyển biến tích cực;...

Tuy nhiên, một số khó khăn cơ bản đó là: Chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế chưa thực sự bền vững, nội lực nền kinh tế vẫn chậm được cải thiện; việc triển khai thực hiện một số chương trình, đề án trọng điểm mang tính đột phá còn chậm; việc triển khai thực hiện chủ đề Năm Doanh nghiệp hiệu quả chưa cao, một số ngành, địa phương còn thiếu chủ động, sáng tạo và quyết liệt; mục tiêu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đang gặp nhiều khó khăn, thách thức và lúng túng trong triển khai thực hiện; khả năng hấp thụ và chất lượng vốn FDI thấp; cơ sở vật chất và thiết bị dạy học mặc dù đã được đầu tư nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu và chưa đạt chuẩn quy định, đặc biệt là nhu cầu về phòng học và nhà công vụ; đội ngũ nhà giáo và nhân viên trường học còn bất cập về số lượng, chất lượng và cơ cấu; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, năng lực hạn chế, có biểu hiện sách nhiễu, vi phạm đạo đức, lối sống; việc thực hiện kỷ cương, kỷ luật hành chính có lúc chưa nghiêm,...

II. Về kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và giải quyết kiến nghị của cử tri

1. Về kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tình hình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2017. Trong năm các ngành, các cấp đã tổ chức tiếp công dân thường xuyên và định kỳ với tổng số 853 lượt/1274 người/823 vụ việc; tiếp nhận 1.255 đơn, trong đó có 1.227 đơn đủ điều kiện xử lý; công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo đảm bảo trình tự, thủ tục, chất lượng được nâng lên; nhiều vụ việc thuộc thẩm quyền được giải quyết dứt điểm², ngăn ngừa các vụ việc phức tạp, vượt cấp, đông người và không để phát sinh điểm nóng.

² Đã giải quyết 33/46 đơn khiếu nại, đạt 71,7%; 12/14 đơn tố cáo, đạt 85,7%.

Tuy vậy, công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn còn những khó khăn, hạn chế: Một số đơn vị, địa phương còn thiếu tích cực đối thoại, hòa giải và thuyết phục nhân dân; sự phối hợp trong việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân giữa các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương có liên quan đôi khi chưa thống nhất, thiếu đồng bộ, vẫn còn hiện tượng gây phiền hà cho công dân; một số vụ việc đã được giải quyết đúng pháp luật, có lý, có tình nhưng người khiếu nại vẫn không chấp nhận kết quả giải quyết, thậm chí có những phản ứng gay gắt, cố tình khiếu nại kéo dài, tố cáo kéo dài đến nhiều cấp, nhiều ngành gây áp lực, phức tạp, khó khăn đối với công tác này.

2. Về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri

Kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 7, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII tập trung chủ yếu vào các nhóm lĩnh vực chủ yếu như: Nông nghiệp; đầu tư, xây dựng cơ bản; thương mại, dịch vụ; đất đai, tài nguyên, môi trường; giao thông vận tải; văn hóa, xã hội; nội vụ và các vấn đề khác. Trước kỳ họp thứ 7, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã nghiên cứu, tiếp thu, giải quyết, trả lời đạt 100%. (Có 41/67 kiến nghị, chiếm 61,19% đã được giải quyết, trả lời; có 22/67 kiến nghị, chiếm 32,83% đang giải quyết, trả lời; có 04/67 kiến nghị, chiếm 5,97% kiến nghị giải trình, thông tin với cử tri).

UBND tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp huyện đã kịp thời chỉ đạo nghiên cứu, tiếp thu, giải quyết, trả lời cơ bản đầy đủ, rõ ràng về những vấn đề cử tri quan tâm; tiếp tục phân định rõ trách nhiệm giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri; một số sở, ngành đã phối hợp giải quyết, trả lời chu đáo, giải trình làm rõ nhiều ý kiến, phản ánh được cử tri đồng tình, đánh giá cao. Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri.

Tuy nhiên, vẫn còn một số kiến nghị của cử tri chưa xác định rõ cơ quan có thẩm quyền giải quyết, trả lời; nhiều kiến nghị vẫn tiếp tục được nghiên cứu, giải quyết và chưa nêu rõ giải pháp, lộ trình giải quyết dứt điểm. Một số kiến nghị của cử tri đã gửi đến từ kỳ họp thứ 2 đến kỳ họp thứ 7, HĐND tỉnh khóa VII chưa được UBND tỉnh, một số sở, ngành, địa phương tiếp thu giải quyết, trả lời dứt điểm. Nguyên nhân chính là do tỉnh còn khó khăn về ngân sách, một số kiến nghị thể hiện nguyện vọng chính đáng của cử tri về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là giao thông, điều chỉnh quy hoạch, các công trình phúc lợi... đòi hỏi phải có nguồn lực và lộ trình để thực hiện.

III. Về tình hình thảo luận, chất vấn và trả lời chất vấn

Tại kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh khóa VII đã giành 2/3 thời gian của 3,5 ngày để thảo luận ở tổ và hội trường, chất vấn và trả lời chất vấn. Nhìn chung kỳ họp diễn ra đúng chương trình, kế hoạch và công tác điều hành kỳ họp đảm bảo khoa học, thảo luận sôi nổi, có trọng tâm và chất lượng.

Qua thảo luận, tập trung 3 nhóm vấn đề mà đại biểu quan tâm là thu chi ngân sách, đầu tư, xúc tiến đầu tư và xây dựng nông thôn mới; an ninh, quốc phòng; văn hóa - xã hội. Các đại biểu đã phân tích, làm rõ những hạn chế, đồng thời chỉ ra những nguyên nhân trong việc quản lý, điều hành KT - XH ở các ngành, địa phương.

1. Về thảo luận Tổ

Sau khi nghiên cứu các báo cáo, tờ trình, đề án của Thường trực HĐND và UBND tỉnh trình kỳ họp; tại phiên thảo luận tổ vào chiều ngày 06/12/2018, các đại biểu đã đánh giá cao việc chuẩn bị các văn bản trình kỳ họp. Đa số ý kiến bày tỏ sự phấn khởi

trước thành tựu phát triển KT - XH năm 2018, đồng thời có 45 lượt ý kiến tham gia vào các báo cáo, tờ trình, đề án trình kỳ họp.

Tại kỳ họp lần này, Thường trực HĐND tỉnh đã nghe báo cáo kết quả tổng hợp thảo luận tổ về việc lấy phiếu tín nhiệm. Đồng thời, các đại biểu đã tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm 32 chức danh do HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 bầu. Kết quả lấy phiếu tín nhiệm đã được công bố tại phiên họp của HĐND tỉnh vào sáng ngày 06/12/2018.

2. Về thảo luận tại hội trường, chất vấn và giải trình

Tại kỳ họp, có 18 đại biểu HĐND tỉnh đã nêu câu hỏi và đề nghị UBND tỉnh và các sở, ban, ngành giải trình làm rõ; có 19 lượt ý kiến kiến phát biểu, giải trình với tinh thần thẳng thắn, đi đúng vào trọng tâm, đảm bảo được mong muốn của cử tri. Các câu hỏi tìm hiểu và chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh đã được đại diện UBND tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành: GD-ĐT, Y tế, LĐ-TB&XH, KH-ĐT, KH&CH, Hải quan, Cục thuế, BHXH tỉnh, Ban QLKKT tỉnh, Công an tỉnh, Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị trả lời, giải trình trực tiếp tại kỳ họp.

Chủ tịch UBND tỉnh đã khái quát đánh giá, phân tích, giải trình, làm rõ những vấn đề mà kỳ họp đã tập trung thảo luận và cử tri quan tâm; đã hứa tiếp thu và thực hiện các ý kiến phù hợp.

IV. Các nghị quyết đã ban hành

(HĐND tỉnh đã thông qua 24 nghị quyết)

1. Nghị quyết về kế hoạch phát triển KT - XH năm 2019

1.1. Mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu

1.1.1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) đạt 8%. Nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính thực chất trong thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu các ngành kinh tế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược; phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo và thúc đẩy khởi nghiệp. Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống nhân dân. Chủ động phòng chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm giữ vững chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

1.1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Các chỉ tiêu kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (theo GRDP) từ 7,5-8,0% , trong đó: nông - lâm - ngư nghiệp từ 4,0-4,5%; công nghiệp - xây dựng từ 10,5-11,0%; dịch vụ từ 7,5-8,0%.

+ GRDP bình quân đầu người từ 47-49 triệu đồng.

+ Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội từ 18.000-20.000 tỷ đồng.

+ Tổng thu ngân sách trên địa bàn 2.900 tỷ đồng, phấn đấu thu đạt 3.000 tỷ đồng (thu nội địa 2.570 tỷ đồng; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 330 tỷ đồng).

+ Tổng chi ngân sách địa phương: 7.906 tỷ đồng.

+ Sản lượng lương thực có hạt 26 vạn tấn.

+ Diện tích trồng mới và tái canh cây công nghiệp dài ngày 550 ha (trong đó: Cà phê 150 ha, cao su 350 ha, hồ tiêu 50 ha)

+ Trồng mới rừng tập trung: 6.000 ha, cây phân tán đạt 2,5 triệu cây.

+ Sản lượng thủy hải sản đạt 32.700 tấn.

- + Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới là 47,8-49,5% (có thêm 6-8 xã đạt chuẩn nông thôn mới).
- + Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ 29.900 tỷ đồng.
- Các chỉ tiêu xã hội:
 - + Giữ vững chuẩn phổ cập THCS tại 100% xã, phường, thị trấn; phấn đấu tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo 97%; tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đối với bậc tiểu học 99,8% và THCS 96%.
 - + Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 59,73%, trong đó qua đào tạo nghề 42% và có bằng cấp, chứng chỉ 30%.
 - + Tạo việc làm mới cho trên 10.500 lao động, trong đó có trên 1.200 lao động xuất khẩu.
 - + Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 94%.
 - + Mức giảm tỷ suất sinh dưới 0,3‰
 - + Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh 1,5-2%, trong đó đối với huyện nghèo và các xã nghèo giảm trên 4%.
 - + Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo thể cân nặng/tuổi xuống dưới 13,3%.
- Các chỉ tiêu môi trường:
 - + Ổn định tỷ lệ độ che phủ rừng khoảng 50%;
 - + Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 92,83%.
 - + Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch 93,5 %.
 - + Tỷ lệ chất thải rắn ở thành thị được thu gom 99%.

1.2. Nhiệm vụ, giải pháp năm 2019

1.2.1. Quán triệt tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ và có kết quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được đề ra trong Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI và kế hoạch phát triển KT - XH giai đoạn 2016-2020. Triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ trên tất cả các lĩnh vực về nhiệm vụ phát triển KT - XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2019.

1.2.2. Đẩy mạnh việc thực hiện tái cơ cấu lại nền kinh tế đồng bộ và toàn diện trên các ngành, lĩnh vực. Hoàn thành nhiệm vụ cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh theo đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gắn với đổi mới và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh theo lộ trình phê duyệt. Tăng cường chống thất thu thuế, chuyên giá, giảm nợ đọng thuế. Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

1.2.3. Tiếp tục tổ chức thực hiện 3 đột phá trong Chiến lược phát triển KT - XH 2011 - 2020.

1.2.4. Tăng cường các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp.

1.2.5. Thúc đẩy tăng trưởng các ngành, lĩnh vực gắn với phát triển thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu.

1.2.6. Khai thác hợp lý gắn với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển kinh tế xanh và bền vững. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch; cấp phép khai thác khoáng sản gắn với hoạt động chế biến sâu. Tăng cường phát triển rừng đầu nguồn; bảo vệ môi trường nguồn nước. Đẩy mạnh việc kiểm tra, thanh tra, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý,

thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản. Tiếp tục theo dõi và triển khai các nhiệm vụ liên quan đến sự cố môi trường biển.

1.2.7. Phát triển văn hóa, giáo dục, tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội.

1.2.8. Phát triển khoa học - công nghệ, thông tin truyền thông.

1.2.9. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

1.2.10. Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh công tác tuyên truyền và phối hợp đấu tranh ngăn chặn, phòng ngừa tội phạm, nhất là tội phạm liên quan đến tín dụng đen, ma túy, lô đề, tội phạm công nghệ cao ngay trong cộng đồng dân cư và từ cơ sở; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng khu vực phòng thủ trong tình hình mới. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh.

*** Các nghị quyết ***

(Đại biểu HĐND tỉnh cập nhật chi tiết tại nghị quyết và phụ lục)

2. Nghị quyết về quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước tỉnh năm 2017

Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị năm 2017:

2.1. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn: 2.502.309 triệu đồng

2.2. Tổng nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng: 9.175.139 triệu đồng

2.3. Tổng chi ngân sách địa phương: 8.691.433 triệu đồng

2.4. Trả nợ gốc của ngân sách địa phương 86.500 triệu đồng

2.5. Kết dư ngân sách địa phương: 397.206 triệu đồng

3. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung uy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách thời kỳ ổn định 2017 - 2020 và định mức chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017

(Đại biểu cập nhật tại NQ)

4. Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2019

Thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2019 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

4.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 2.900.000 triệu đồng

4.2. Thu ngân sách địa phương: 7.899.888 triệu đồng

4.3. Tổng chi ngân sách địa phương: 7.906.788 triệu đồng

4.4. Bội chi ngân sách địa phương: 6.900 triệu đồng

4.5. Tổng mức vay NSDP: 65.400 triệu đồng

4.6. Trả nợ gốc vay của ngân sách địa phương: 58.500 triệu đồng

5. Nghị quyết về phân bổ ngân sách địa phương năm 2019

Tổng số thu và chi ngân sách cấp tỉnh năm 2019:

5.1. Tổng thu ngân sách cấp tỉnh: 6.974.003 triệu đồng

5.2. Tổng chi ngân sách cấp tỉnh: 6.980.903 triệu đồng

5.3. Bội chi ngân sách cấp tỉnh: 6.900 triệu đồng

Phân bổ ngân sách địa phương năm 2019 cho từng cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, các cơ quan khác ở tỉnh; số bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố, thị xã (phụ biểu chi tiết kèm theo NQ).

Dự toán dự phòng ngân sách tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chi theo quy định hiện hành của pháp luật và hàng quý báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương

(Đại biểu cập nhật tại NQ)

7. Nghị quyết về kế hoạch sử dụng phần vốn dự phòng (10%) của ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

7.1. Tổng số vốn dự phòng ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 là: 396.886 triệu đồng

7.2. Định hướng, nguyên tắc, tiêu chí sử dụng vốn dự phòng:

- Ưu tiên bố trí cho các công trình, dự án phục vụ nhiệm vụ chung của toàn tỉnh (quyết toán các công trình hoàn thành, lập quy hoạch của tỉnh, phần mềm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp);

b) Bố trí đủ vốn đối ứng ODA theo cam kết và vốn đối ứng cho các dự án ODA phát sinh;

- Cân đối đủ vốn để hoàn thành theo tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc theo số vốn tỉnh đã cam kết hỗ trợ đối với một số dự án cấp thiết nhưng chưa cân đối đủ vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020;

- Bố trí vốn để thực hiện một số dự án khởi công mới nằm trong danh mục kèm các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt và chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020 nhưng chưa được bố trí trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương; các công trình, dự án cấp thiết phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương đã có ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh và kiến nghị, đề xuất của các ngành, địa phương.

7.3. Phương án bố trí, sử dụng vốn dự phòng ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020:

- Đối với vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí:

+ Thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm chung của toàn tỉnh: 31.500 triệu đồng;

+ Nhu cầu vốn đối ứng các dự án ODA phát sinh: 49.000 triệu đồng;

+ Hoàn thành một số hạng mục cấp bách của một số dự án dở dang; Cân đối đủ vốn để hoàn thành theo tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc theo số vốn tỉnh đã cam kết hỗ trợ đối với một số dự án cấp thiết nhưng chưa cân đối đủ vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020: 68.100 triệu đồng.

+ Các công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách mới và các công trình cấp bách, có chủ trương của lãnh đạo tỉnh: 50.031 triệu đồng. *(Chi tiết danh mục dự án như Phụ lục số 01 đính kèm NQ)*

- Đối với vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: Tổng số vốn dự phòng từ nguồn thu sử dụng đất là 179.657 triệu đồng, phân bổ hết cho cấp huyện quản lý *(Phụ lục số 02 đính kèm NQ)*

- Đối với vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: *(Chi tiết danh mục dự án như Phụ lục số 03 đính kèm)*

8. Nghị quyết về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019

Thông qua Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2019, với các nội dung chủ yếu sau:

8.1. Tổng vốn ngân sách do địa phương quản lý trong kế hoạch 2019 là 1.086.010 triệu đồng, bao gồm:

- Nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 396.110 triệu đồng,
- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 638.000 triệu đồng,
- Nguồn thu từ xổ số kiến thiết: 45.000 triệu đồng,
- Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP: 6.900 triệu đồng.

8.2. Các tiêu chí và giải pháp (*Đại biểu cập nhật tại NQ*)

9. Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Trường THPT Bùi Dục Tài

Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Trường Trung học phổ thông Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng, do Sở Giáo dục và Đào tạo lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, như sau:

9.1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu dạy và học cho hơn 70 giáo viên và 1.400 học sinh của các xã phía Nam huyện Hải Lăng.

9.2. Địa điểm và phạm vi xây dựng:

- Địa điểm: Xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- Diện tích xây dựng: 6.472m².

9.3. Tổng mức đầu tư: 33.386 triệu đồng.

5. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: Ngân sách tỉnh.

6. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2021.

10. Nghị quyết Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ

10.1. Nội dung điều chỉnh:

- Bổ sung chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.
- Bổ sung chi phí xây dựng và các chi phí do giá nhiên liệu và một số vật liệu xây dựng tăng cao so với thời điểm lập dự án.

10.2. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là: 56.078 triệu đồng.

10.3. Nguồn vốn bổ sung: Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất của tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

10.4. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2017 đến năm 2022.

11. Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đường liên xã Triệu Giang - Triệu Hòa - Triệu Độ (bao gồm cầu Bến Lội), huyện Triệu Phong

11.1. Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Đường liên xã Triệu Giang - Triệu Hòa - Triệu Độ (bao gồm cầu Bến Lội), huyện Triệu Phong.

11.2. Mục tiêu, quy mô, nhóm dự án, tổng mức đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, địa điểm, thời gian thực hiện dự án, hình thức đầu tư thực hiện theo Văn bản số 186/HĐND-KTNS ngày 31/3/2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

12. Nghị quyết về kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2019

Phê duyệt tổng chỉ tiêu biên chế hành chính, số người làm việc và hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, sự nghiệp của tỉnh Quảng Trị năm 2019 như sau:

12.1. Biên chế hành chính: 1.822 chỉ tiêu.

12.2. Số người làm việc: 16.824 chỉ tiêu, trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 13.324 chỉ tiêu;
- Sự nghiệp y tế: 2.601 chỉ tiêu;
- Sự nghiệp văn hóa - thể thao: 345 chỉ tiêu;
- Sự nghiệp khác: 554 chỉ tiêu.
- 12.3. Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 249 chỉ tiêu.
- 12.4. Biên chế trong các tổ chức hội: 60 chỉ tiêu.
- 12.5. Số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp: 2.197 chỉ tiêu.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo NQ)

Nhiệm vụ, giải pháp: (Đại biểu cập nhật tại NQ)

- 13. Nghị quyết chấp thuận chủ trương các dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện các công trình, dự án năm 2019
- Chấp thuận chủ trương thu hồi đất của 186 dự án với diện tích 526,54 ha và 72 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác với diện tích 74,53 ha trong năm 2019. (Kèm theo phụ lục danh mục các dự án tại NQ)
- 14. Nghị quyết thông qua Đề án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Đại biểu cập nhật tại NQ)

- 15. Nghị quyết về Quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Đại biểu cập nhật tại NQ)

- 16. Nghị quyết quy định về hỗ trợ kinh phí cho các cơ quan hoạt động tư pháp, giám định viên tư pháp giai đoạn 2018 - 2022

(Đại biểu cập nhật tại NQ)

- 17. Nghị quyết Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Đại biểu cập nhật tại NQ)

- 18. Nghị quyết thông qua Đề án xóa phòng học tạm, phòng học mượn giai đoạn 2019 - 2025

18.1. Mục tiêu:

- Tập trung ưu tiên xóa phòng học tạm, phòng học mượn giai đoạn 2019-2021, đáp ứng cơ sở vật chất phục vụ dạy và học.
- Huy động các nguồn vốn để xóa phòng học tạm, phòng học mượn; bổ sung phòng học đáp ứng mở rộng quy mô dạy học 2 buổi/ngày.
- Làm cơ sở để các ngành, các cấp huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư xây dựng xóa phòng học tạm, phòng học mượn giai đoạn 2019-2021 và những năm tiếp theo.

18.2. Tổng số phòng học đầu tư xây dựng: 390 phòng (Mâm non: 202 phòng; Tiểu học 125 phòng; THCS: 37 phòng; THPT: 26 phòng).

(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm NQ)

18.3. Nguồn kinh phí để thực hiện đề án bao gồm:

- Nguồn kinh phí ngân sách Trung ương: chiếm tỷ lệ 43,7%;
- Nguồn kinh phí đầu tư XD CB ngân sách tỉnh: chiếm tỷ lệ 39,41%;
- Nguồn kinh phí đầu tư XD CB ngân sách huyện: chiếm tỷ lệ 14,07%;
- Nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác: chiếm tỷ lệ 2,82%.

(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)

18.4. Thời gian thực hiện đề án và phân kỳ đầu tư: Từ năm 2019 - 2021 và thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công. Hàng năm, căn cứ lộ trình để bố trí đủ kinh phí thực hiện, đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp khác để bổ sung nguồn vốn đẩy nhanh tiến độ và thời gian thực hiện đề án.

(Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm)

19. Nghị quyết quy định chế độ lương và hỗ trợ BHXH, BHYT, BHTN đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các trường mầm non công lập tỉnh Quảng Trị

(Đại biểu cập nhật tại NQ)

20. Nghị quyết về việc bãi bỏ một số nghị quyết HĐND tỉnh

21. Nghị quyết về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp năm 2019

22. Nghị quyết về kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do HĐND

bầu

23. Nghị quyết về miễn nhiệm Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

24. Nghị quyết về bầu Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

(Đại biểu cập nhật tại NQ)

V. Về kết quả hoạt động của Tổ đại biểu HĐND tỉnh tại địa bàn ứng cử

Các tổ đại biểu HĐND tỉnh báo cáo với cử tri.